

Số: 16/2015/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành một số định mức chi đối với nhiệm vụ
khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước
áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT/BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của liên Bộ Tài chính - Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Văn bản số 92/TB-UBND ngày 16/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thông báo kết luận của Ủy ban nhân dân tỉnh tại kỳ họp tháng 11 năm 2015 (Mục 6 - Quy định một số mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang);

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 469/TTr-STC ngày 11/11/2015 về việc Quy định một số định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này một số định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(Có phụ lục 01,02 đính kèm)

Điều 2. Một số định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định này là căn cứ lập dự toán, chấp hành và quyết toán chi ngân sách sự nghiệp khoa học. Các nội dung không được quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT/BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của liên Bộ Tài chính - Khoa học và Công nghệ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Giám đốc sở: Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố triển khai, tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ KH&CN;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh Ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế NS của HĐND tỉnh;
- Báo TQ; Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Như điều 4
- Lưu VT-VX-TH;

Báo cáo;

Thực hiện

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Thực

KHUNG ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang)



Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Mức chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Dự toán tiền công lao động trực tiếp			
a	Chủ nhiệm nhiệm vụ	Hệ số tiền công/ ngày	0,63	0,51
b	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học.	Hệ số tiền công/ ngày	0,39	0,31
c	Thành viên.	Hệ số tiền công/ ngày	0,20	0,16
d	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.	Hệ số tiền công/ ngày	0,13	0,10
*	Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính theo ngày công lao động quy đổi (08 giờ/01 ngày; trường hợp có số giờ công lẻ, trên 4 giờ được tính 1 ngày công, dưới 4 giờ được tính ½ ngày công) và mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán			
*	Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh quy định tại khoản a, b, c mục 1, phụ lục 01.			
2	Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu.			
2.1	<i>Thuê chuyên gia trong nước</i>			
a	Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Trường hợp thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước áp dụng tại tỉnh Tuyên Quang không quá 20.000.000 đồng/người/tháng (tháng làm việc tính trên cơ sở 22 ngày làm việc).			
b	Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 20% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại mục 1, phụ lục 01.			
2.2	<i>Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước:</i> Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1, phụ lục 01. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm về nội dung và mức kinh phí thuê chuyên gia ngoài nước.			

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (1.000đ)	Mức chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (1.000đ)
3	Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu: Được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và có từ 3 báo giá trở lên của các cơ sở cung ứng liên quan.			
4	Dự toán chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định: Được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan. Nội dung chi này có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ KH&CN; được quản lý theo quy định hiện hành về sửa chữa, mua sắm tài sản hình thành có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.			
5	Dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu.			
a	Người chủ trì	Buổi hội thảo	500	300
b	Thư ký hội thảo	Buổi hội thảo	300	180
c	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	Báo cáo	700	420
d	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	500	300
đ	Thành viên tham gia hội thảo	Buổi hội thảo	200	120
6	Dự toán chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (Nghiệm thu cấp cơ sở): Được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên hội đồng với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được quy định tại mục 1.4, phụ lục 02.			
7	Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN.			
a	Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: Chi điện, nước, văn phòng phẩm và các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì.			
b	Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng.			
8	Định mức xây dựng dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước: Được áp dụng tối đa bằng 60% định mức dự toán nhiệm vụ hoạt động khoa học và công nghệ cấp tỉnh.			
9	Các khoản chi khác: Được vận dụng theo các quy định quản lý hiện hành của pháp luật.			

MỘT SỐ ĐỊNH MỨC CHI QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang)



Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (1.000đ)	Mức chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (1.000đ)
I	Định mức chi hoạt động của các Hội đồng			
1	Tiền công			
1.1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi hợp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		700	420
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		500	300
	Thư ký hành chính		300	180
	Đại biểu được mời tham dự		200	120
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		300	180
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500	300
1.2	Chi tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi hợp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		700	420
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		500	300
	Thư ký hành chính		300	180
	Đại biểu được mời tham dự		200	120
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		300	180
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500	300
1.3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN			
	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	500	300
	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	300	180
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300	180

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (1.000đ)	Mức chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (1.000đ)
	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	200	120
1.4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		700	420
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		500	300
	Thư ký hành chính		300	180
	Đại biểu được mời tham dự		200	120
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		300	180
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500	300
2	Các nội dung chi khác: Được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.			
II	Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập.			
	Trong trường hợp cần thiết (khi các Hội đồng tư vấn khoa học có ý kiến không thống nhất trong việc xem xét lựa chọn nhiệm vụ KH&CN; hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN thấy cần thiết), cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập.			
	Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN quyết định và chịu trách nhiệm.			
III	Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Xây dựng dự toán trên cơ sở báo giá của các cơ quan truyền thông lựa chọn đăng tin.			
IV	Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ.			
1	Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá giữa kỳ được xây dựng theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí áp dụng cho các cơ quan nhà nước.			
2	Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức quy định tại mục 1.4 phụ lục 02.			
V	Định mức xây dựng dự toán chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước: Được áp dụng tối đa bằng 60% định mức dự toán chi quản lý nhiệm vụ hoạt động khoa học và công nghệ cấp tỉnh.			